

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 102/2026/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2026 giữa:

- **Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1962; Căn cước công dân số: 0400620030xx nơi cấp Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 10/04/2021.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, tỉnh Quảng Ngãi.

- **Bị đơn:** Chị Đỗ Thị Thúy M, sinh năm 1981; Căn cước công dân số: 0361810092xx nơi cấp Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 25/04/2021.

Địa chỉ: Xóm A, xã Q, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; **điểm d Điều 12** và Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 4 năm 2026.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 4 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Văn N và chị Đỗ Thị Thúy M.
2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về con chung, về con riêng:* Anh Nguyễn Văn N và chị Đỗ Thị Thúy M đều thống nhất vợ chồng không yêu cầu Toà án giải quyết.

2.2. *Về tài sản chung, tài sản riêng, về công nợ chung, công nợ riêng:* Anh Nguyễn Văn N và chị Đỗ Thị Thúy M đều thống nhất vợ chồng không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung, công nợ riêng.

2.3. *Về án phí:*

Anh Nguyễn Văn N là người cao tuổi được miễn án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Chị Đỗ Thị Thúy M phải nộp 75.000đ (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*) án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND Khu vực 4 - Ninh Bình;
- Phòng THADS khu vực 4 – Ninh Bình.
- UBND xã N, tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Trần Thị Khanh